

**PHỤ LỤC 04:**
**Biểu phí sản phẩm - dịch vụ Ngân hàng điện tử và các dịch vụ khác**

STT	KHOẢN MỤC	MỨC PHÍ	TỐI THIỂU	TỐI ĐA	NHÓM PHÍ	CODE PHÍ
<b>A. NGÂN HÀNG ĐIỆN TỬ</b>						
<b>1</b>	<b>Kênh Internet Banking/Mobile Banking</b>					
1.1	Truy vấn thông tin tài khoản và các thông tin khác	Miễn phí			1	GDMP202513
1.2	Thông báo biến động số dư và các thông báo khác	Miễn phí			1	GDMP202514
1.3	Thanh toán dịch vụ	Miễn phí			1	GDMP202515
1.3.1	Thanh toán hóa đơn dịch vụ					
1.4	Giao dịch chuyển khoản theo món					
1.4.1	Chuyển tiền định kỳ	Miễn phí			1	GDMP202516
1.4.2	Phí dịch vụ hạn mức giao dịch nhanh 24/7					
1.4.2.1	Hạn mức giao dịch 247/ngày ≤ 20 tỷ	Miễn phí			1	HMGD02001
1.4.2.2	20 tỷ < hạn mức giao dịch 247/ngày ≤ mức 50 tỷ	3.000.000 VND/tháng			1	HMGD02002
1.4.2.3	50 tỷ < hạn mức giao dịch 247/ngày ≤ mức 100 tỷ	5.000.000 VND/tháng			1	HMGD02003
1.4.2.4	Hạn mức giao dịch 247/ngày trên 100 tỷ	10.000.000 VND/tháng			1	HMGD02004
1.5	Phí sửa đổi thông tin dịch vụ	Miễn phí			1	GDMP202517
1.5.1	Thay đổi thông tin user truy cập/ quyền hạn user/ số điện thoại nhận OTP/ đóng 1 hoặc 1 số các user					
1.5.2	Thay đổi khác					
1.6	Phí chấm dứt sử dụng dịch vụ	100.000 VND			1	NHDT02012
<b>2</b>	<b>Kênh SMS Banking (Khách hàng trả cước tin nhắn cho Tổng đài)</b>					

STT	KHOẢN MỤC	MỨC PHÍ	TỐI THIỂU	TỐI ĐA	NHÓM PHÍ	CODE PHÍ
2.1	<b>Phí thông báo biến động số dư tài khoản</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• 0 &lt; số lượng SMS/KH/tháng ≤ 30: 50.000 VND/tháng/khách hàng;</li> <li>• Số lượng SMS/KH/tháng &gt; 30: 50.000 VND + phí vượt tin nhắn (800đ x số lượng tin nhắn vượt, tính từ tin nhắn thứ 31 trở đi)</li> </ul>	50.000 VND	1.000.000 VND	1	NHDT02004
2.2	<b>Phí sửa đổi thông tin dịch vụ</b>	Miễn phí				
2.5	<b>Phí chấm dứt sử dụng dịch vụ</b>	50.000 VND			1	NHDT02018
<b>B. DỊCH VỤ KHÁC</b>						
<b>1</b>	<b>Dịch vụ trả lương qua tài khoản tại quầy</b>					
1.1	Chi trả qua tài khoản mở tại NCB	3.000 VND/TK	30.000 VND/danh sách		1	KHAC02001
1.2	Chi trả qua TK mở ngoài NCB	3.000 VND/TK + Phí chuyển tiền	30.000 VND/danh sách		1	KHAC02002
<b>2</b>	<b>Dịch vụ giao dịch qua Fax/Email</b>					
2.1	Phí đăng ký dịch vụ giao dịch qua Fax/Email	Miễn phí			1	GDMP202518
2.2	Phí thường niên	2.000.000 VND/năm			1	KHAC02010
2.3	Phí chậm bổ sung chứng từ bản gốc	50.000 VND/lần			1	KHAC02004
<b>3</b>	<b>Phí tư vấn tài chính</b>	Thu theo từng trường hợp cụ thể trên cơ sở thỏa thuận giữa ĐVKD (GĐCN, GĐTT quyết định mức phí) với Khách hàng	500.000 VND	Thỏa thuận	1	KHAC02006
<b>4</b>	<b>Phí tra soát thông tin về uy tín giao dịch KH</b>		500.000 VND	Thỏa thuận	1	KHAC02007
<b>5</b>	<b>Phí giữ hộ tài sản</b>					
5.1	Lưu giữ Giấy tờ có giá (Cổ phiếu, trái phiếu, hối phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, séc, chứng chỉ quỹ,	0.003% * mệnh giá giấy tờ có giá/tháng	30.000 VND/TS/tháng		1	KHAC02008

STT	KHOẢN MỤC	MỨC PHÍ	TỐI THIỂU	TỐI ĐA	NHÓM PHÍ	CODE PHÍ
	giấy tờ có giá khác theo quy định của pháp luật, trị giá được thành tiền và được phép giao dịch)					
5.2	Lưu giữ Giấy tờ có giá trị (giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất, giấy đăng ký xe.... và các giấy tờ có giá trị khác được NCB chấp thuận bảo quản)	Thu theo từng trường hợp cụ thể trên cơ sở thỏa thuận giữa ĐVKD với Khách hàng	30.000 VND/TS/ tháng	Thỏa thuận	1	<b>KHAC02009</b>
<b>C. PHÍ KHÁC</b>						
1	Các loại phí khác	Thu theo từng trường hợp cụ thể trên cơ sở thỏa thuận giữa ĐVKD với Khách hàng			1	<b>KHAC02011</b>

**Ghi chú:**

Biểu phí này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT).